

Số: 62 /CV.KHM

Tp.HCM, ngày 26 tháng 3 năm 2014

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Về việc: Giải trình chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán
trên Báo cáo tài chính quý 4 năm 2013 và Báo cáo tài chính năm 2013.

- Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2013 do Công ty lập với Báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã được kiểm toán.

Công ty CP XNK Khánh Hội, xin giải trình chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán trên Báo cáo tài chính quý 4 năm 2013 và Báo cáo tài chính năm 2013 đã kiểm toán như sau:

I/ Đối với số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2013:

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Quý IV Năm 2013 (Công ty lập)	Năm 2013 (Đã kiểm toán)	Chênh lệch Tăng /(giảm)
[1]	[2]		[3]	[4]	[5]=[4]-[3]
A	BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH				
	Số liệu trên Báo cáo tài chính quý 4 năm 2013 và Báo cáo tài chính năm 2013 đã kiểm toán của Công ty Mẹ không thay đổi				
B	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
	Số liệu trên Báo cáo tài chính quý 4 năm 2013 và Báo cáo tài chính năm 2013 đã kiểm toán của Công ty Mẹ không thay đổi				
C	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	59.429.380.960	59.404.187.260	(25.193.700)
	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(20.291.822.915)	(20.587.607.002)	(295.784.087)
	3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.035.941.983)	(3.042.452.085)	(6.510.102)
	4. Tiền chi trả lãi vay	04	(17.333.333)	(36.444.444)	(19.111.111)
	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	25.829.248.106	26.155.485.783	326.237.677
	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.995.615.256)	(20.499.369.537)	496.245.719
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.700.088.369	10.399.044.392	(301.043.977)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(25.189.730.800)	(25.364.571.219)	(174.840.419)



Giải trình chênh lệch các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Công ty mẹ: Đơn vị kiểm toán phân loại lại các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty để phản ánh chi tiết hơn các dòng tiền phát sinh trong năm 2013 từ hoạt động kinh doanh; từ hoạt động đầu tư; từ hoạt động tài chính. Việc phân loại lại không ảnh hưởng đến Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ; số dư tiền và tương đương tiền đầu kỳ; tiền và tương đương tiền cuối kỳ trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ quý 4 năm 2013 và Báo cáo tài chính Công ty Mẹ năm 2013 đã kiểm toán.

II/ Đối với số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Quý IV Năm 2013 (Công ty lập)	Năm 2013 (Đã kiểm toán)	Chênh lệch Tăng / (giảm)
[1]	[2]		[3]	[4]	[5]=[4]-[3]
A BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT					
1	Giá vốn hàng bán	11	24.621.281.805	24.164.950.189	(456.331.616)
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23.495.929.176	23.942.273.110	446.343.934
3	Thu nhập khác	31	32.290.904.402	32.259.372.390	(31.532.012)
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	42.639.358.906	42.617.814.576	(21.544.330)
5	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	1.300.021.410	1.413.537.449	113.516.039
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	33.210.197.437	33.075.137.068	(135.060.369)
7	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	544.093.438	530.209.894	(13.883.544)
8	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62	32.666.103.999	32.544.927.174	(121.176.825)
B BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT					
1	Hàng tồn kho	141	190.209.628.142	190.098.722.529	(110.905.613)
2	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	439.663.459	427.615.421	(12.048.038)
3	Chi phí trả trước dài hạn	261	2.323.859.181	2.293.521.753	(30.337.428)
4	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13.539.721	52.756.257	39.216.536
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		192.986.690.503	192.872.615.960	(114.074.543)
5	Lợi nhuận chưa phân phối	420	22.205.421.575	22.094.468.530	(110.953.045)
6	Lợi ích của cổ đông thiểu số		1.189.007.368	1.185.885.870	(3.121.498)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.394.428.943	23.280.354.400	(114.074.543)
C BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT					
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	81.188.484.108	81.171.990.408	(16.493.700)
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(22.749.753.543)	(23.045.537.630)	(295.784.087)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.681.493.132)	(11.688.003.234)	(6.510.102)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(17.333.333)	(36.444.444)	(19.111.111)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(7.598.243.749)	(8.175.039.737)	(576.795.988)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	35.317.462.143	35.740.508.295	423.046.152
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(42.757.918.489)	(40.288.660.904)	2.469.257.585
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.800.000.000)	(6.300.000.000)	(1.500.000.000)
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.737.034.255	8.434.265.925	(302.768.330)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(25.189.730.800)	(25.364.571.219)	(174.840.419)

02251
 ÔNG T'
 Ồ PHẢ
 NHẬP I
 HANH I
 KHAWOME
 TP. HỒ

A. Giải trình chênh lệch các chỉ tiêu trên Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

1. Giá vốn hàng bán: Do điều chỉnh Tiền thuế đất vào chi phí quản lý và các khoản Hoàn nhập loại trừ các giao dịch nội bộ khi hợp nhất.
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp: Do điều chỉnh Tiền thuế đất từ giá vốn và các khoản Hoàn nhập loại trừ các giao dịch nội bộ khi hợp nhất.
3. Thu nhập khác: Ghi nhận bổ sung thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: Do tổng hợp các nguyên nhân trên nên ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất.

5. Chi phí thuế TNDN hoãn lại: Do ghi nhận bổ sung liên quan đến các khoản điều chỉnh thanh lý công ty con khi hợp nhất.

6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: Do tổng hợp các nguyên nhân trên nên ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán sau thuế hợp nhất.

7. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số: Do điều chỉnh thanh lý công ty con khi hợp nhất.

8. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ: Do tổng hợp các nguyên nhân trên nên ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty mẹ.

B. Giải trình chênh lệch các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

a/. Các khoản chênh lệch về Hàng tồn kho; Chi phí trả trước ngắn hạn; Chi phí trả trước dài hạn: Do loại trừ các giao dịch nội bộ khi hợp nhất.

b/. Khoản chênh lệch về Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Do ghi nhận bổ sung Tài sản thuế thu nhập hoãn lại các giao dịch nội bộ khi hợp nhất.

c/. Khoản chênh lệch về Lợi nhuận chưa phân phối: Do loại trừ bổ sung Lợi nhuận sau thuế các giao dịch nội bộ khi hợp nhất.

d/. Khoản chênh lệch về Lợi ích của cổ đông thiểu số: Loại trừ bổ sung Lợi ích của cổ đông thiểu số do thanh lý Công ty con khi hợp nhất.

C. Giải trình chênh lệch các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất: Đơn vị kiểm toán phân loại lại các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty để phản ánh chi tiết hơn các dòng tiền phát sinh trong năm 2013 từ hoạt động kinh doanh; từ hoạt động đầu tư; từ hoạt động tài chính. Việc phân loại lại không ảnh hưởng đến Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ; số dư tiền và tương đương tiền đầu kỳ; tiền và tương đương tiền cuối kỳ trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2013 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã kiểm toán.

Công ty cổ phần XNK Khánh Hội xin Giải trình với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và các Cổ đông.

Trân trọng kính chào.

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Hạnh

